

THỐNG KÊ ĐIỂM KTKS LỚP 12 LẦN 1 NĂM HỌC 2025-2026

MÔN NGỮ VĂN

Lớp	Đăng ký KT	Dự KT	Vắng KT	Điểm ≥ 8		Điểm từ 6.5 đến dưới 8		Điểm từ 5 đến dưới 6.5		Điểm từ 3.5 đến dưới 5		Điểm dưới 3.5		Điểm TB
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
12A1	49	48	1	3	6.3	29	60.4	14	29.2	2	4.2	0	0.0	6.656
12A2	50	48	2	0	0.0	21	43.8	26	54.2	1	2.1	0	0.0	6.240
12A3	49	49	0	0	0.0	25	51.0	24	49.0	0	0.0	0	0.0	6.474
12A4	50	50	0	1	2.0	25	50.0	20	40.0	4	8.0	0	0.0	6.410
12A5	47	47	0	0	0.0	23	48.9	19	40.4	5	10.6	0	0.0	6.261
12A6	48	47	1	1	2.1	26	55.3	19	40.4	1	2.1	0	0.0	6.590
12A7	44	44	0	0	0.0	27	61.4	10	22.7	7	15.9	0	0.0	6.403
12A8	44	44	0	0	0.0	14	31.8	30	68.2	0	0.0	0	0.0	6.136
12A9	46	46	0	0	0.0	29	63.0	16	34.8	1	2.2	0	0.0	6.543
12D	49	49	0	3	6.1	32	65.3	13	26.5	1	2.0	0	0.0	6.724
12D1	52	52	0	3	5.8	25	48.1	23	44.2	1	1.9	0	0.0	6.534
12D2	51	48	3	2	4.2	31	64.6	15	31.3	0	0.0	0	0.0	6.714
12D3	47	47	0	3	6.4	30	63.8	13	27.7	1	2.1	0	0.0	6.686
12D4	52	52	0	2	3.8	31	59.6	13	25.0	5	9.6	1	1.9	6.481
12D5	49	49	0	3	6.1	30	61.2	16	32.7	0	0.0	0	0.0	6.587
Tổng	727	720	7	21	2.9	398	55.3	271	37.6	29	4.0	1	0.1	6.499

MÔN TOÁN

Lớp	Đăng ký KT	Dự KT	Vắng KT	Điểm ≥ 8		Điểm từ 6.5 đến dưới 8		Điểm từ 5 đến dưới 6.5		Điểm từ 3.5 đến dưới 5		Điểm dưới 3.5		Điểm TB
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
12A1	49	48	1	9	18.8	14	29.2	19	39.6	5	10.4	1	2.1	6.407
12A2	50	46	4	3	6.5	21	45.7	14	30.4	6	13.0	2	4.3	6.316
12A3	49	49	0	9	18.4	21	42.9	14	28.6	5	10.2	0	0.0	6.580
12A4	50	50	0	6	12.0	21	42.0	16	32.0	7	14.0	0	0.0	6.462
12A5	47	45	2	9	20.0	11	24.4	19	42.2	5	11.1	1	2.2	6.447
12A6	48	47	1	11	23.4	23	48.9	10	21.3	3	6.4	0	0.0	6.856
12A7	44	44	0	8	18.2	13	29.5	10	22.7	13	29.5	0	0.0	6.222
12A8	44	44	0	7	15.9	16	36.4	16	36.4	5	11.4	0	0.0	6.427
12A9	46	39	7	4	10.3	20	51.3	13	33.3	1	2.6	1	2.6	6.582
12D	49	49	0	0	0.0	8	16.3	20	40.8	14	28.6	7	14.3	5.197
12D1	52	52	0	3	5.8	11	21.2	26	50.0	8	15.4	4	7.7	5.794
12D2	51	49	2	0	0.0	17	34.7	19	38.8	12	24.5	1	2.0	5.769
12D3	47	46	1	1	2.2	8	17.4	25	54.3	11	23.9	1	2.2	5.640
12D4	52	52	0	0	0.0	17	32.7	22	42.3	12	23.1	1	1.9	5.695
12D5	49	49	0	4	8.2	10	20.4	25	51.0	8	16.3	2	4.1	5.786
Tổng	727	709	18	74	10.4	231	32.6	268	37.8	115	16.2	21	3.0	6.131